

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH VIỆT NAM

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET NAM BUILDING CONSTRUCTION INVESTMENT AND TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VTC INVES.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108794703

3. Ngày thành lập: 21/06/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 5, Ngõ 409 Ngách 409/16, Đường An Dương Vương, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0984882168

Fax:

Email: vtcinves.jsc@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp	0210
2.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
3.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
4.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
5.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
6.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
7.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
8.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
9.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
10.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
11.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
12.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
13.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
14.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
15.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
16.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
17.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
18.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420
19.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511

20.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
21.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
22.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (trừ sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại)	2599
23.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
24.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
25.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
26.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
27.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
28.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
29.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
30.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
31.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
32.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
33.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
34.	Thu gom rác thải độc hại	3812
35.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
36.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
37.	Tái chế phế liệu	3830
38.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
39.	Xây dựng nhà để ở	4101(Chính)
40.	Xây dựng nhà không để ở	4102
41.	Xây dựng công trình thủy	4291
42.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
43.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
44.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
45.	Phá dỡ	4311
46.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
47.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
48.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
49.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
50.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
51.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
52.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4511
53.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520

54.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4530
55.	Bán mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4541
56.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
57.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4543
58.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ hoạt động đấu giá)	4610
59.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
60.	Bán buôn thực phẩm	4632
61.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
62.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
63.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
64.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
65.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
66.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
67.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
68.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ kinh doanh vàng miếng)	4662
69.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
70.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
71.	Bán buôn tổng hợp	4690
72.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
73.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
74.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
75.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
76.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
77.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
78.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
79.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
80.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ Bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; Bán lẻ tem và tiền kim khí)	4773

81.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ hoạt động đấu giá)	4774
82.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá)	4791
83.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô;	4932
84.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
85.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
86.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
87.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
88.	Cơ sở lưu trú khác	5590
89.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
90.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
91.	Lập trình máy vi tính	6201
92.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
93.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
94.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
95.	Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí)	6312
96.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu	6399
97.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
98.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	6820
99.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
100.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320

101.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Khảo sát địa hình; - Khảo sát địa chất công trình; - Thiết kế quy hoạch xây dựng; - Thiết kế kiến trúc công trình; - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; - Thiết kế cơ - điện công trình; - Thiết kế cấp - thoát nước công trình; - Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật. - Giám sát công tác xây dựng bao gồm: Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông; Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn. - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình. - Tổ chức lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng	7110
102.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy gồm: Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát; tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật; thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy; tư vấn chuyển giao công nghệ phòng cháy và chữa cháy; sản xuất, lắp ráp phương tiện, thiết bị phòng cháy và chữa cháy; Kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy. - Dịch vụ khai thác, sử dụng tài nguyên nước bao gồm: thăm dò nước dưới đất; khai thác, sử dụng nước mặt; khai thác, sử dụng nước dưới đất; khai thác, sử dụng nước biển; xả nước thải vào nguồn nước - Tư vấn về môi trường: + Tổ chức hành nghề trong lĩnh vực tài nguyên nước; + Dịch vụ quan trắc môi trường; + Tư vấn thực hiện đánh giá môi trường chiến lược + Tư vấn thực hiện đánh giá tác động môi trường - Điều tra, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường do sự cố tràn dầu trên biển; lập, thực hiện và giám sát; đánh giá việc thực hiện kế hoạch khắc phục hậu quả sự cố tràn dầu trên vùng biển Việt Nam.	7490
103.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
104.	Đại lý du lịch	7911
105.	Điều hành tua du lịch	7912

106.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
107.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
108.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
109.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
110.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
111.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
112.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ hợp báo)	8230
113.	Dịch vụ đóng gói	8292
114.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ karaoke	9329
115.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299

6. Vốn điều lệ: 18.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 1.800.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN MẠNH CUÔNG	Xóm 4, Thôn 1, Xã Thạch Đà, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	684.000	6.840.000.000	38,000	013152222	
			Tổng số	684.000	6.840.000.000	38,000		
2	NGUYỄN ANH VĂN	Số 4, Ngõ 4 Tản Đà, Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	648.000	6.480.000.000	36,000	0010760214 23	
			Tổng số	648.000	6.480.000.000	36,000		

3	BÙI ANH TUẤN	Phòng 506 Cầu Thang 2, Nhà A25, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	468.000	4.680.000.000	26,000	013152699	
			Tổng số	468.000	4.680.000.000	26,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Ho và tên: NGUYỄN ANH VĂN

Giới tính: *Nam*

Chức danh: G c

Sinh ngày: 29/11/1976

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: $V \quad Na$

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: $T \quad c \quad c \quad c \quad c \quad g \quad d$

Số giấy chứng thực cá nhân: 001076021423

Ngày cấp: 21/08/2018

Nơi cấp: C c c

 $KQL\ c$ $DLQG \quad d$

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: $S \quad 4, Ng \quad 4 T$
 $g, T \quad H \quad N, V \quad Na$

$$, P \quad gNg \quad T \quad , Q \quad H$$

Chỗ ở hiện tại: $S = 4, Ng = 4 T$

$$, P_{gNg} T, Q_{Hg} T$$
 $H \ N, V \ Na$

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội